

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 12/12/2022.

V/v tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng.

2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 234/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1972.

ĐKHKT và nơi cư trú: thôn HCh, xã HTh, huyện TK, tỉnh Hải Dương.
Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Ch**, sinh năm: 1968.

ĐKHKT và nơi cư trú: thôn HCh, xã HTh, huyện TK, tỉnh Hải Dương.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Ch kết hôn với nhau vào ngày 15/9/1990. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu nhau khoảng 01 năm và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HTh, huyện TL, tỉnh Hải Hưng (nay là Ủy ban nhân dân xã HTh, huyện TK, tỉnh Hải Dương). Sau khi kết hôn,

vợ chồng chị về chung sống tại nhà của bố mẹ đẻ anh Ch. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 25 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra bất hòa và không tôn trọng nhau. Kinh tế vợ chồng không tập trung. Vì vậy, cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc. Vợ chồng anh chị ly thân đã được 5 năm nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Gia đình hai bên có khuyên nhủ vợ chồng anh chị nhiều lần nhưng không thành. Đến nay, chị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn Ch đã thực sự tan vỡ, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Ch, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ch.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Văn Ch trình bày: anh và chị Nguyễn Thị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn vào ngày 15/9/1990, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HTh, huyện TL, tỉnh Hải Hưng (*nay là Ủy ban nhân dân xã HTh, huyện TK, tỉnh Hải Dương*). Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 25 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế vợ chồng không tập trung, chị L thích đi chùa ở ẩn và không quan tâm đến anh, các con và gia đình. Vợ chồng không có sự chia sẻ, chị L không có trách nhiệm với anh và gia đình. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và không thông cảm với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân được 05 năm nay, không quan tâm đến nhau. Gia đình hai bên có khuyên nhủ vợ chồng anh chị nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, chị L vẫn đi chùa, không quay về với anh nữa nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chị L đã viết đơn xin ly hôn với anh vào ngày 10/9/2022, anh và chị L đã cùng ký tên trong đơn này. Đến nay, chị L khởi kiện xin ly hôn với anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do bận công việc nên anh không thể đến Tòa án làm việc được, anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, phiên họp và cho anh được vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù trình bày như vậy nhưng anh Nguyễn Văn Ch lại không ký tên vào biên bản lấy lời khai này.

Về quan hệ con chung: Chị L và anh Ch trình bày, anh chị có hai con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 23/11/1991 và Nguyễn Văn Th, sinh ngày 28/7/1994. Hiện nay, hai con chung của anh chị đều đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Anh chị trình bày, anh chị không có tài sản chung; không có tài sản riêng; không nợ chung và không cho ai vay chung. Về nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của chị L, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh chị cư trú và thông qua ý kiến của các con của anh chị thể hiện: Anh Ch và chị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HTh vào ngày 15/9/1990. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 25 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp,

vợ chồng không có sự chia sẻ với nhau, chị L đã đi chùa ở ẩn được khoảng 05 năm nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Về quan hệ vợ chồng, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Các con của chị L và anh Ch xác định anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, không còn ở chung một nhà đã lâu, hôn nhân của anh chị không thể cứu vãn nên việc ly hôn là cách tốt nhất cho anh chị và đề nghị Tòa án cho chị L và anh Ch được ly hôn trong thời gian sớm nhất. Anh chị có hai con chung đã trưởng thành. Tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng, cho vay chung, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên của anh chị đều không có.

Chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm về việc giải quyết vụ án như chị đã trình bày với Tòa án, ngoài ra, chị không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Ch. Về án phí: buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị L đã nộp là 300.000 đồng. Chị Nguyễn Thị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 25/11/2022; tại phiên tòa, anh Ch vắng mặt, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay 12/12/2022. Tại phiên tòa hôm nay, anh Ch vẫn vắng mặt, chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Ch, chị L theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ vợ chồng: chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Ch được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HTh, huyện TL, tỉnh Hải Hưng (nay là Ủy ban nhân dân xã HTh, huyện TK, tỉnh Hải Dương) vào ngày 15/9/1990 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh, chị hạnh phúc được khoảng 25 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra bất hòa và không tôn trọng nhau. Kinh tế vợ chồng không tập trung. Vì vậy, cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc. Anh chị ly thân đã được 5 năm nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Tòa án đã triệu tập anh Ch đến Tòa án nhiều lần và triệu tập anh Ch đến Tòa án để hòa giải, anh Ch đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không có mặt tại các buổi làm việc, điều đó thể hiện anh không còn thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ và không còn muốn hàn gắn tình cảm với chị L. Mặt khác, con chung của anh chị cũng xác định tình trạng hôn nhân của anh chị không thể cứu vãn được và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L và anh Ch được ly hôn trong thời gian sớm nhất. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị L xin ly hôn anh Ch là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Chị L và anh Ch trình bày, anh chị có hai con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 23/11/1991 và Nguyễn Văn Th, sinh ngày 28/7/1994. Hiện nay, hai con chung của anh chị đều đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, không đặt ra giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Anh chị trình bày, anh chị không có tài sản chung, không có tài sản riêng, không nợ chung và không cho ai vay chung. Về nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L xin ly hôn anh Nguyễn Văn Ch nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Ch.

2. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L

đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0000721 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TK. Chị Nguyễn Thị L đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị L và anh Ch. Chị L và anh Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TK;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Các đương sự;
- UBND xã HTh, huyện TK để lưu hộ tịch (Kết hôn ngày 15/9/1990 tại UBND xã HTh);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thúy Hạnh